

Bản án số: 92/2020/DS-ST
Ngày 24/9/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Diệp;

Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; trụ sở: 266- 268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Quốc D, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng TMCP S – chi nhánh B, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/5/2020), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1973; thường trú: 14/11 khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt;

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1973; thường trú: 35/7 khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, anh Nguyễn Quốc D trình bày:

Ngày 09/10/2012, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Văn N, bà Huỳnh Thị Ngọc B ký kết “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1228300057”. Theo đó Ngân hàng đồng ý cho ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 1,625%/tháng, lãi suất này được áp dụng cho 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng một lần. Lãi suất các kỳ tiếp theo được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của bên A cộng với biên độ 0,75%/tháng. Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả nợ gốc Bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc của kỳ hạn đúng hạn do S xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt mức lãi suất quy định của pháp luật (nếu có). Mục đích vay để sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 36 tháng, tính từ ngày 09/10/2012 đến ngày 09/10/2015. Phương thức thanh toán: Trả góp theo dư nợ giảm dần hàng tháng căn cứ lịch trả nợ.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B đã thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 92m² (gồm 34m² đất T và 58m² đất V) thuộc thửa 492c và 493, tờ bản đồ số 07 tọa lạc khu phố N, phường B, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2199/TC ngày 12/10/2012 được công chứng tại Phòng công chứng D, tỉnh Bình Dương, số công chứng 5509 vào quyển số 10 - TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã D (nay là Văn phòng đăng ký đất đai thành phố D), tỉnh Bình Dương ngày 13/10/2012, vào sổ tiếp nhận hồ sơ quyền số 1, số thứ tự 4004.

Từ ngày 28/9/2013, ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B ngừng trả gốc và lãi cho ngân hàng. Tính đến thời điểm ngày 12/5/2020, ông N và bà B còn nợ số tiền 229.034.102 đồng. Do ông N và bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 12/5/2020 là 229.034.102 đồng (gồm tiền nợ gốc là 82.349.340 đồng; lãi trong hạn 97.789.841 đồng; lãi quá hạn 48.894.921 đồng). Trong trường hợp ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành R550610, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 3222QSDĐ/HTH BA do UBND huyện D (Nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/09/2000 cho ông Lê Văn N đứng tên quyền sử dụng để thu hồi nợ

Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 13/5/2020 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1228300057” ngày 09/10/2012 mà các bên đã ký kết cho đến khi ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B trả hết nợ.

Đối với bị đơn ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức tổng đạt trực tiếp đề yêu cầu ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của Ngân hàng TMCP S cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc thực hiện “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1228300057” ngày 09/10/2012 nhưng ông N vắng mặt, bà B chỉ cung cấp bản tự khai đề ngày 16/7/2020 thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với nội dung như tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, bà B không cung cấp

bất cứ chứng cứ gì khác. Ngày 13/8/2020, Tòa án triệu tập ông N và bà B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông N và bà B đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông N và bà B tham gia phiên tòa vào ngày 03/9/2020 và ngày 24/9/2020 nhưng ông N và bà B vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố D nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập họp lệ ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B để tham gia phiên tòa vào các ngày 03/9/2020 và ngày 24/9/2020 nhưng ông N và bà B vắng mặt không rõ lý do. Ngày 12/8/2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S nộp đơn từ chối hòa giải và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông N và bà B.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B đã được triệu tập họp lệ bằng hình thức tổng đạt trực tiếp nhưng ông N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp bất cứ chứng cứ gì khác. Bà B có cung cấp bản tự khai thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với nội dung như tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ gì và không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Xét “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1228300057” ngày 09/10/2012 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP S với ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông N và bà B được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ. Xét thấy, ông Lê Văn B và bà Huỳnh Thị Ngọc B đã nhận nợ bằng giấy nhận nợ số 01 ngày 15/10/2012 và quá trình tố tụng bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B thừa nhận có nợ và đồng ý thanh toán nên ghi nhận. Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác nhận tính đến ngày 28/9/2013 thì ông N và bà B mới chỉ thanh toán được tổng số tiền 67.650.660 đồng

tiền nợ gốc và 2.676.385 đồng tiền lãi. Từ ngày 29/9/2013 đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện, ông N và bà B không thanh toán tiếp số tiền nợ đến hạn, như vậy ông N và bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B thanh toán toàn bộ khoản nợ tới hạn, tạm tính đến ngày 12/5/2020 là 229.034.102 đồng (gồm tiền nợ gốc là 82.349.340 đồng; lãi trong hạn 97.789.841 đồng; lãi quá hạn 48.894.921 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 6 của “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1228300057” ngày 09/10/2012 thì lãi suất các bên thỏa thuận là 1,625%/tháng, lãi suất này được áp dụng cho 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân và sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng một lần. Lãi suất các kỳ tiếp theo được tính trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng trả lãi cuối kỳ của bên A cộng với biên độ 0,75%/tháng. Trường hợp nợ quá hạn do chậm trả nợ gốc Bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc của kỳ hạn đúng hạn do Sacombank xác định tại thời điểm phát sinh và tối đa không vượt mức lãi suất quy định của pháp luật (nếu có). Đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định mức lãi suất ở thời điểm khởi kiện là 17,4%/năm (tương đương 1,45%/tháng) và lãi suất quá hạn bằng 50% của lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa hai bên đã được ký kết là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là lãi suất do các bên thỏa thuận. Theo đó ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 13/5/2020 cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng số “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1228300057” ngày 09/10/2012 mà các bên đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ phát sinh từ “Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1228300057” ngày 09/10/2012 tạm tính đến ngày 12/5/2020 là 229.034.102 (hai trăm hai mươi chín triệu không trăm ba mươi bốn nghìn, một trăm lẻ hai) đồng (gồm tiền nợ gốc là 82.349.340 (tám mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi) đồng; lãi trong hạn 97.789.841 (chín mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi một) đồng; lãi quá hạn 48.894.921 (bốn mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm hai mươi một) đồng).

Tiền lãi tính từ ngày 13/5/2020 trở đi và áp dụng trong giai đoạn thi hành án được tính trên dư nợ gốc thực tế theo lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B thanh toán hết các khoản nợ.

Trường hợp ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B không thanh toán thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp bao gồm:

Quyền sử dụng đất thuộc thửa 492c và 493, tờ bản đồ số 07 tọa lạc khu phố N, phường B, thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn N, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3222QSDĐ/HTH BA do UBND huyện D (Nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/09/2000 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2199/TC ngày 12/10/2012 được công chứng tại Phòng công chứng D, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị Ngọc B phải chịu 11.451.705 (Mười một triệu bốn trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm lẻ năm) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 5.726.000 (năm triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040558 ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố D.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Thắm

